

MỘT VÀI ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI VN

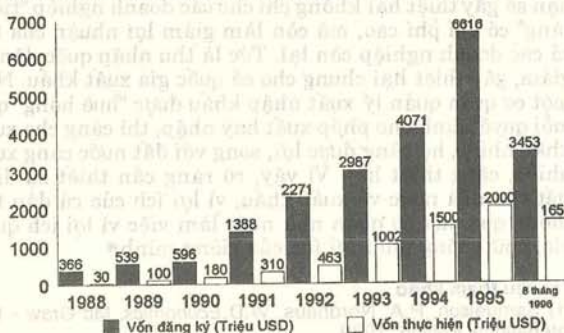
PGS. PTS. VÕ THANH THU

Kể từ khi có Luật đầu tư nước ngoài 12.1987 đến hết 8.1996 đã có 1813 dự án được cấp giấy phép với tổng số vốn đầu tư đăng ký là 22.494 triệu USD. Trong các dự án này có 263 dự án bị rút giấy phép đầu tư (chiếm 14,5% tổng số dự án) với tổng số vốn đăng ký 1424 triệu USD (chiếm 6% tổng vốn đầu tư) và 17 dự án đã kết thúc thời hạn hoạt động với tổng số vốn đầu tư là 310 triệu USD. Cũng trong thời gian này đã có 293 dự án được điều chỉnh tăng vốn đầu tư là 2.595 triệu USD. Như vậy tính đến hết 8.1996 đang có 1533 dự án đang triển khai và hoạt động với tổng số vốn đầu tư là 23.283 triệu USD, trong đó vốn pháp định là 10.207 triệu USD. Đến nay đã có 700 công ty thuộc 58 nước và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại VN.

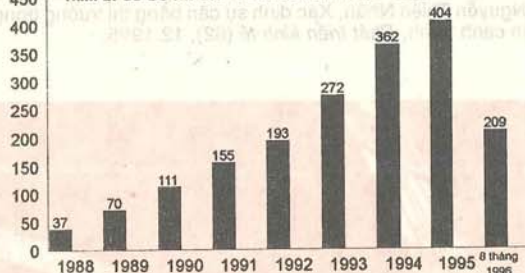
Nhìn lại tình hình đầu tư nước ngoài kể từ khi ban hành Luật đầu tư đến hết 8.1996 có thể đưa ra các đánh giá sau đây.

1. Nhịp độ thu hút vốn đầu tư tăng nhanh, năm 1988 đạt 366 triệu USD, năm 1995 đạt 6.516 triệu USD, tăng bình quân mỗi năm 50%. Những số liệu sau đây nói rõ điều đó.

Hình 1: TÌNH HÌNH VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM 1988 - 1996



Hình 2: SỐ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP 1988 - 1996



2. Qui mô dự án đầu tư ngày càng tăng. Vốn đầu tư bình quân của một dự án tăng nhanh qua các năm, từ 3,5 triệu USD trong 3 năm đầu (1988 - 1990) đến 7,5 triệu USD năm 1991; 7,6 triệu USD năm 1992 và 9,9 triệu USD năm 1993, 1994; 10,3 triệu USD; 1995: 16,38 triệu USD.

Các dự án quy mô nhỏ (dưới 5 triệu USD) tuy chiếm tỷ lệ lớn về số lượng dự án (77%) nhưng chiếm tỷ lệ nhỏ về vốn đầu tư (12%).

Đáng chú ý nhiều dự án 30 - 40 triệu USD đã xuất hiện ngày một nhiều, không ít dự án có số vốn lên tới hàng trăm triệu USD như Làng quốc tế Thăng Long 185 triệu USD. Trung tâm DACHA 135 triệu USD...ở Hà Nội; Quảng trường Hạnh phúc 468 triệu USD.

3. Về cơ cấu ngành nghề đầu tư: đầu tư nước ngoài trong những năm qua đã đi vào hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế phù hợp với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng "công nghiệp hóa, hiện đại hóa", tỉ trọng các dự án thuộc lĩnh vực sản xuất ngày càng gia

tăng. Nếu như thời kỳ đầu 1988 - 1990 vốn đầu tư nước ngoài tập trung vào ngành dầu khí (32,2%) và khách sạn (20,6%), thì từ năm 1991 trở đi đầu tư ngày càng nhiều vào lĩnh vực sản xuất (nay chiếm 64,6% tổng vốn đầu tư).

Đầu tư trực tiếp nước ngoài phân theo ngành
(từ 1.1.1988 đến 30.8.1996)

S T T	Tên ngành	Số dự án	Vốn đầu tư đăng ký (triệu USD)	Tỷ trọng theo vốn đầu tư %
1	Công nghiệp nặng	268	3668	16,8
2	Công nghiệp dầu khí	26	1254	5,7
3	Công nghiệp nhẹ	284	2403	11
4	Công nghiệp thực phẩm	94	1693	7,7
5	Nông lâm nghiệp	160	838	3,8
6	Khách sạn du lịch	147	3875	17,7
7	Dịch vụ	38	195	0,9
8	XD văn phòng căn hộ	105	3389	15,5
9	Giao thông - bưu điện	81	1261	5,8
10	Xây dựng	131	2111	9,6
11	Văn hóa - y tế giáo dục	43	255	1,1
12	Thủy sản	40	129	0,6
13	Tài chính - ngân hàng	23	189	0,9
14	XD cơ sở HT khu CX, CN	9	612	2,8
	Tổng cộng	1533	23.283	

4. Đánh giá về cơ cấu đầu tư theo vùng, lãnh thổ: Phần lớn các dự án đầu tư vào 2 vùng kinh tế trọng điểm miền Đông Nam bộ bao gồm TP.HCM - Đồng Nai - Sông Bé - Vũng Tàu - 782 dự án (51% tổng số dự án) với tổng số vốn đầu tư xấp xỉ 11 tỉ 251 triệu USD (48,32% tổng số vốn đầu tư) và trọng điểm kinh tế Hà Nội - Hải Phòng với 292 dự án, tổng số vốn đầu tư 5 tỉ 54 triệu USD. Trong khi đó các tỉnh miền trung (từ Nghệ An đến Lâm Đồng) chỉ thu hút được 108 dự án chiếm 7% tổng số dự án chiếm gần 5% tổng số vốn đầu tư 1165 triệu USD. Những số liệu này cho ta thấy nơi nào có hạ tầng cơ sở và nguồn nhân lực tốt là nơi có khả năng thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài.



5. Đánh giá về tình hình góp vốn và tỉ lệ góp của các bên trong các dự án có vốn đầu tư nước ngoài như sau:

* Tính đến hết tháng 8.1996 trong tổng số 1533 dự án có hiệu lực thực hiện đã có 940 dự án thuộc các hình thức đầu tư góp vốn, vốn đầu tư thực hiện 7235 triệu USD bằng 32% vốn đăng ký. Vốn pháp định đã góp 5909 triệu USD đạt 57,8% vốn pháp định đăng ký, trong số này phần góp vốn của bên VN 1223 triệu USD chủ yếu bằng giá trị quyền sử dụng đất, chiếm 20,6% của vốn pháp định đã thực hiện, bên nước ngoài góp 4682 triệu USD, chiếm 79,4% vốn pháp định đã thực hiện. Đến nay còn 593 dự án chưa triển khai do mới cấp giấy phép, đang thực hiện các thủ tục ban đầu.

Theo chúng tôi tình hình thực hiện vốn đầu tư nước ngoài như nêu ở trên là chậm, cũng theo báo cáo của Bộ kế hoạch và đầu tư trong tổng số dự án đã được cấp giấy phép đầu tư và còn có hiệu lực tính đến hết tháng 5.1996 thì tình hình triển khai dự án đầu tư nước ngoài thể hiện qua bảng sau:

Tình hình triển khai các dự án đầu tư nước ngoài tại VN
(tính đến 5.1996)

Loại dự án	Số dự án	Tỷ trọng
1. Dự án thực hiện đủ vốn có doanh thu	291	18,91
2. Dự án chưa thực hiện đủ vốn nhưng đã có doanh thu	335	21,77
3. Dự án thực hiện đủ vốn nhưng chưa có doanh thu	35	2,27
4. Dự án chưa thực hiện đủ vốn, chưa có doanh thu	314	20,40
5. Dự án chưa triển khai	564	36,65
	1539	100

* Với hình thức liên doanh bên phía VN đăng ký góp 33,84% vốn pháp định, bên phía nước ngoài đăng ký góp 66,16% vốn pháp định.

* Về vấn đề hình thức góp vốn:

- Tính đến hết 1995 phần vốn của bên phía VN đóng góp trong vốn pháp định vào các liên doanh và hợp đồng hợp tác liên doanh là 1,8 tỉ USD, trong số này các cơ quan nhà nước đã chuẩn y cho bên phía VN góp bằng giá trị quyền sử dụng 9.170 ha đất với giá trị 1,6 tỉ USD chiếm 80%; 8% phía VN đóng góp bằng nhà xưởng, thiết bị sẵn có và 2% bằng tiền và các hình thức vốn khác.

- Phần đóng góp bên phía nước ngoài bằng công nghệ và máy móc.

+ Chuyển giao công nghệ còn hạn chế vì phổ biến trong các dự án bên phía nước ngoài đưa công nghệ thông dụng, nhiều trường hợp đưa công nghệ cũ, tác động xấu đến môi trường.

+ Khoảng 30% dự án khi đóng góp vốn bằng hiện vật bên phía nước ngoài kê cao giá hơn so với giá trị thật bình quân 10 - 20%, cá biệt có trường hợp kê cao giá đến 40%. Ngoài ra hiện nay việc quyết toán xây dựng công trình của các dự án đầu tư nước ngoài do các chủ đầu tư tự thực hiện nên trong nhiều trường hợp phía nước ngoài khai tăng các khoản chi phí xây dựng dẫn tới tăng chi phí công trình làm giảm các khoản thu của nhà nước VN.

6. Đánh giá về các bên tham gia đầu tư

+ Bên phía đối tác VN tham gia trong các dự án có vốn đầu tư nước ngoài. Doanh nghiệp nhà nước tham gia 96% số dự án và 99% tổng số vốn đầu tư. Doanh nghiệp ngoài quốc doanh, kể cả các công ty TNHH hữu hạn của các tổ chức đoàn thể có 64 dự án liên kết với nước ngoài với tổng số vốn đầu tư khoảng 100 triệu USD.

+ Bên phía đối tác nước ngoài: các nước trong khu vực Đông Á và Đông Nam Á như Đài Loan, Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông là những nước dẫn đầu đầu tư vốn vào VN. Nhiều tập đoàn lớn của Nhật Bản,

Hàn Quốc, Mỹ, Đài Loan đã bắt đầu đầu tư vào những ngành kinh tế nhựa PVC, sản phẩm quang học, kính cao cấp, máy thu hình, tủ lạnh. Đáng chú ý nhất là các tập đoàn Nhật Bản sẽ vượt Đài Loan để chiếm vị trí dẫn đầu tư vào VN.

7. Đầu tư nước ngoài đã đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy nền kinh tế VN tăng trưởng, và giải quyết những vấn đề kinh tế xã hội cấp bách, thiếu vốn, tỷ trọng thất nghiệp lớn, mạng lưới hệ thống thông tin yếu kém. Từ 1988 đến hết 8.1996 thực đóng góp của các dự án có vốn đầu tư nước ngoài là 7235 triệu USD tạo công ăn việc làm cho trên 160.000 lao động trực tiếp người VN. Điển hình nhất là sự hợp tác của Tổng công ty bưu chính viễn thông VN với các tập đoàn lớn của thế giới: OTC (Úc), Siemens (CHLB Đức), Alcatel (Pháp), Daiwoo (Hàn Quốc) đã làm thay đổi cơ bản hoạt động thông tin liên lạc của VN. Trong 5 năm chỉ tính riêng những dự án đã đi vào hoạt động đã đóng góp cho nền kinh tế VN 1 triệu tấn dầu thô, 60 vạn tấn thép xây dựng, 50.000 tấn dầu nhờn, lắp ráp 7000 chiếc xe ô tô, 100.000 chiếc xe máy; 35 triệu mét vải; 180 triệu lít bia, 526 triệu viên thuốc tân dược, 1 triệu bóng hình màu, trồng mới 13.500 ha rừng, đưa vào sử dụng 2.500 phòng khách sạn đạt tiêu chuẩn quốc tế.

8. Đánh giá về quản lý nhà nước đối với lãnh vực đầu tư nước ngoài. Mặc dù thời gian chưa dài nhưng đã hình thành một hệ thống quản lý từ TW đến các địa phương, hệ thống này đã và đang sửa đổi theo hướng gọn nhẹ, có hiệu quả và tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục và triển khai các dự án góp phần cải thiện môi trường đầu tư của VN. Ngoài ra cơ quan quản lý đầu tư đã phác thảo chiến lược, chính sách, pháp luật về thu hút vốn đầu tư nước ngoài phù hợp với chiến lược phát triển XH của VN đến năm 2000. Luật đầu tư đã 2 lần trình Quốc hội sửa đổi vào các thời kỳ 6.1990 và tháng 12.1992, tháng 10.1996 sẽ thực hiện sửa đổi lần thứ 3, và cùng với việc ban hành 120 văn bản quy định và hướng dẫn thi hành luật thể hiện, chúng ta về cơ bản đã hình thành một hệ thống pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư nước ngoài tại VN.

9. Đánh giá về thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước VN. Tổng doanh thu kim ngạch XK, nộp thuế dưới các loại từ 1.1988 đến hết 8.1996 hàng năm đều gia tăng, mặc dù chưa phải là cao vì phần lớn các dự án đầu tư nước ngoài đang trong quá trình triển khai chưa có lời hoặc đang trong giai đoạn được miễn thuế lợi tức.

Trong giai đoạn từ 1.1988 đến 8.1996 tổng doanh thu của các dự án đầu tư nước ngoài là 3.906 triệu USD; kim ngạch XK là 1329 triệu USD (bằng 34% so với doanh thu); nộp thuế các loại là 684 triệu USD.

10. Về vấn đề tuyển dụng lao động: các dự án có vốn đầu tư nước ngoài đã tuyển dụng trên 160.000 lao động. Nhưng chỉ có 30% xí nghiệp ký hợp đồng với người lao động, nhưng phần lớn hợp đồng còn sơ sài, chưa phù hợp với quy chế ban hành. Cũng chỉ 1/3 xí nghiệp có tổ chức công đoàn. Hậu quả tranh chấp lao động, đình công bãi công xảy ra ở một vài nơi.

Từ những nhận xét đánh giá chung trên đây chúng tôi thấy rằng: đầu tư quốc tế ở VN bước đầu đã đóng vai trò quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế VN. Tuy nhiên trong những bước đi ban đầu đó không tránh khỏi những khó khăn hạn chế.

Tóm lại, bên cạnh những thành tựu đã đạt được qua 8 năm ban hành luật đầu tư thì tình hình thu hút vốn đầu tư nước ngoài còn bộc lộ các thiếu sót cơ bản sau:

- Bộ máy quản lý còn cồng kềnh, thủ tục hành chính rườm rà, nhiều địa phương tự ý xây dựng riêng thủ tục thẩm định, cấp đất và xét duyệt dự án riêng v.v... gây khó khăn cho các chủ đầu tư nước ngoài.

- Hạ tầng cơ sở yếu: điện, nước thiếu, đường sá xuống cấp. Riêng hệ thống thông tin liên lạc và viễn thông có

được cải thiện nhưng giá dịch vụ đắt hơn so với các nước trong khu vực, hoạt động lại mang tính chất cửa quyền (độc quyền) gây khó khăn cho khách hàng trong và ngoài nước.

- Hệ thống pháp luật chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ lại hay thay đổi làm các nhà doanh nghiệp nước ngoài thiếu sự tin tưởng và an tâm khi đầu tư vào VN.

- Công tác quản lý nhà nước vừa có tình trạng một số cơ quan can thiệp thô bạo vào hoạt động kinh doanh của các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, vừa buông lỏng trong việc kiểm tra thực hiện các nghĩa vụ theo luật định.

- Đội ngũ cán bộ hành chính và kinh doanh trình độ chuyên môn còn yếu, thêm vào đó nạn tham nhũng trong hàng ngũ cán bộ khá trầm trọng.

Theo chúng tôi để tăng cường thu hút vốn đầu tư nước ngoài cần chú ý những vấn đề chủ yếu sau đây:

- Chủ động quy hoạch và xây dựng kế hoạch thu hút vốn đầu tư nước ngoài, và có chính sách ưu đãi khuyến khích đầu tư vào các ngành kinh tế quan trọng: nông, lâm, ngư nghiệp và hạ tầng cơ sở và thu hút vốn đầu tư vào các vùng cần vốn đầu tư để phát triển kinh tế địa phương.

- Thống nhất trong cả nước về chế độ chính sách xây dựng, thẩm định và xét duyệt dự án đầu tư nước ngoài. Định ra tiêu chuẩn thẩm định đầu tư.

- Đề nghị nhà nước sớm ban hành những luật lệ còn thiếu như luật thương mại, luật phá sản, luật chống độc quyền v.v... để tạo ra một khung pháp lý và định chế hoàn chỉnh, đồng bộ và ổn định.

- Dành một khoản vốn ngân sách để đầu tư vào hạ tầng cơ sở. Kinh nghiệm của các nước cho thấy muốn tiếp nhận một dòng vốn đầu tư nước ngoài thì chủ nhà phải có sẵn 2 dòng vốn để vừa đầu tư hạ tầng cơ sở tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, vừa tham gia đầu tư.

- Đào tạo đội ngũ cán bộ trình độ chuyên môn cao trong lĩnh vực liên doanh đầu tư với nước ngoài, đặc biệt kiến thức kinh doanh thương mại trong nền kinh tế thị trường để nâng cao hiệu quả tiếp nhận đầu tư, hợp tác với nước ngoài.

